

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VỚI  
QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Luật Chuyển giao công nghệ (CGCN) hiện hành có tổng số 60 điều.

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>		
<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>	<i>Sửa nội dung Điều 1</i>	
Luật này quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ; thẩm định công nghệ dự án đầu tư; hợp đồng chuyển giao công nghệ; biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ; quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ.	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Luật này quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ; <b>hoạt động</b> thẩm định công nghệ <del>dự án đầu tư</del> ; hợp đồng chuyển giao công nghệ; biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ; <b>thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo</b> ; quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ.	<i>Sửa nội dung Điều 1</i> - Bỏ cụm từ "dự án đầu tư" trong cụm từ "thẩm định công nghệ dự án đầu tư" và thêm từ "hoạt động" để mở rộng phạm vi thẩm định công nghệ cả trong những trường hợp không phải là dự án đầu tư và các trường hợp có nhu cầu. → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước) - Bổ sung "thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" để nhấn mạnh chính sách thúc đẩy CGCN nội sinh. → Chính sách 2 (thúc đẩy CGCN nội sinh)

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Điều 2. Giải thích từ ngữ</b> Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 4, 6; bổ sung mới các khoản 5a, 6a, 7a, 17a, 17b; bãi bỏ khoản 12, 13, 14.</i>	
1. <i>Bí quyết</i> là thông tin được tích lũy, khám phá trong quá trình nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh có ý nghĩa quyết định chất lượng, khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm công nghệ. Bí quyết bao gồm bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ.	1. <i>Bí quyết</i> là <b>các</b> thông tin <b>có</b> được <del>tiếp-lũy, khám phá-trong-qua</del> quá trình nghiên cứu, <b>thử nghiệm</b> , sản xuất, kinh doanh, <b>đảm bảo đồng thời các yếu tố: bảo mật và không dễ tiếp cận</b> ; có ý nghĩa quyết định <b>tới</b> chất lượng, <del>và</del> khả năng cạnh tranh của công nghệ; <b>và có thể mô tả để xác thực tính bảo mật và ý nghĩa, sản phẩm công nghệ</b> . Bí quyết bao gồm bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ.	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1</i> Sửa đổi để giải thích cụ thể, rõ ràng hơn, phù hợp với xu thế thế giới (tham khảo luật của EU). → Chính sách 1 (hoàn thiện để phù hợp với xu thế thế giới)
2. <i>Công nghệ</i> là giải pháp, quy trình, bí quyết có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.	2. <i>Công nghệ</i> là <b>tập hợp các</b> giải pháp <b>kỹ thuật</b> , quy trình, <b>công cụ, bao gồm cả</b> bí quyết, <b>được tạo ra bởi ứng dụng tri thức khoa học, kinh nghiệm có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng</b> để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2</i> - Sửa đổi để đồng bộ với khái niệm “công nghệ” trong Luật KHCN&ĐMST. → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)
4. <i>Công nghệ mới</i> là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra hoặc ứng dụng tại Việt Nam hoặc trên thế giới, có trình độ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, thân thiện với môi trường, có tính ứng dụng trong thực tiễn và khả năng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.	4. <i>Công nghệ mới</i> là công nghệ <del>lần đầu tiên được tạo ra hoặc chưa</del> ứng dụng <b>phổ biến</b> tại Việt Nam hoặc trên thế giới, có trình độ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, thân thiện với môi trường, có tính ứng dụng trong thực tiễn và khả năng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 4</i> - Sửa đổi, hoàn thiện để mở rộng đối tượng công nghệ được khuyến khích chuyển giao, nhằm thúc đẩy CGCN. → Chính sách 4 (động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho CGCN)
	<b>“5a. Công nghệ xanh là công nghệ sử dụng ít năng lượng, nước, tài nguyên thiên nhiên khác; tái chế, tái sử dụng chất thải hoặc sử dụng các nguồn tài nguyên tái tạo nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm lượng khí thải nhà kính”</b>	<i>Bổ sung khoản 5a</i> Bổ sung để mở rộng phạm vi công nghệ điều chỉnh phù hợp với xu thế thế giới và yêu cầu thực tiễn; mở rộng đối tượng công nghệ được khuyến khích chuyển giao, nhằm thúc đẩy CGCN.

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
		→ Chính sách 1 (hoàn thiện để phù hợp với xu thế thế giới); Chính sách 4 (động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho CGCN)
<p>6. Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.</p>	<p>6. Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại; có tính đột phá, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có khả năng lan tỏa rộng, có đóng vai trò làm nền tảng cho các quan trọng đối với việc hình thành ngành công nghiệp, dịch vụ hiện đại, có đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 6</p> <p>Sửa đổi để đồng bộ với pháp luật về công nghệ cao (Luật CNC sửa đổi).</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>
	<p>6a. Công nghệ chiến lược là công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và đáp ứng một trong các điều kiện hoặc tạo ra sự phát triển đột phá, phát triển chất lượng cao về kinh tế - xã hội hoặc đóng vai trò nền tảng cho các ngành công nghiệp, dịch vụ hoặc có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh.</p>	<p>Bổ sung khoản 6a</p> <p>Bổ sung để đồng bộ với Luật CNC (Luật KH&amp;ĐMST đã bổ sung Điều 6a. Công nghệ chiến lược vào Luật CNC).</p> <p>→ Chính sách 1 (hoàn thiện để phù hợp với xu thế thế giới và yêu cầu thực tiễn); Chính sách 4 (động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho CGCN), → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>
	<p>7a. Chuyển giao công nghệ không tiếp xúc là việc chuyển giao các đối tượng công nghệ không cần đến sự tương tác vật lý trực tiếp hoặc sự hiện diện tại chỗ của bên giao và bên nhận.</p>	<p>Bổ sung khoản 7a</p> <p>Bổ sung để phù hợp với xu thế thế giới và yêu cầu thực tiễn.</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
		→ Chính sách 1 (hoàn thiện để phù hợp với xu thế thế giới); → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)
11. <i>Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</i> là hoạt động khai thác, hoàn thiện, ứng dụng, chuyển giao, hoạt động khác có liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm mục đích thu lợi nhuận.	11. <i>Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo</i> là hoạt động khai thác, hoàn thiện, ứng dụng, chuyển giao, hoạt động khác có liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm mục đích thu lợi nhuận.	Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Sửa đổi để đồng bộ với Luật KHCN&ĐMST. → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)
12. <i>Ươm tạo công nghệ</i> là quá trình nhằm tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc từ công nghệ chưa hoàn thiện thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.	12. [Bãi bỏ khoản này] <del>Ươm tạo công nghệ là quá trình nhằm tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc từ công nghệ chưa hoàn thiện thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.</del>	Bãi bỏ khoản 12, 13, 14 Đây là các khái niệm ít được sử dụng trong Luật. Các từ ngữ được giải thích tại Điều 2 phải là những từ ngữ được sử dụng nhiều trong Luật, đối với những từ ngữ ít được sử dụng sẽ nêu trực tiếp định nghĩa tại điều luật có liên quan. Các từ ngữ này được chuyển xuống quy định tại Điều 43 về Phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.
13. <i>Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ</i> là quá trình hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.	13. [Bãi bỏ khoản này] <del>Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ là quá trình hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.</del>	
14. <i>Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ</i> là cơ sở cung cấp các điều kiện theo quy định của pháp luật về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết phục vụ việc ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	14. [Bãi bỏ khoản này] <del>Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ là cơ sở cung cấp các điều kiện theo quy định của pháp luật về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết phục vụ việc ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</del>	
	<b>17a. Thẩm định công nghệ</b> là việc xem xét, đánh giá một cách khoa học, khách quan về tính hợp pháp, tính phù hợp, tính khả thi, hiệu quả kinh tế - xã hội,	Bổ sung khoản 17a

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
	<b>tác động môi trường, mức độ rủi ro và các yếu tố liên quan của công nghệ, nhằm phục vụ cho việc quyết định lựa chọn, đầu tư, chuyển giao, ứng dụng hoặc loại bỏ công nghệ.</b>	- Bổ sung quy định rõ nội hàm để có cách hiểu thống nhất về thẩm định công nghệ. → Chính sách 6 ( <i>tăng cường quản lý nhà nước</i> )
	<b>17b. Có ý kiến về công nghệ là việc phân tích, nhận định và đưa ra ý kiến về một hoặc một số nội dung của công nghệ theo yêu cầu nhằm phục vụ hoạt động thẩm định, lựa chọn, ứng dụng hoặc chuyển giao công nghệ.</b>	<i>Bổ sung khoản 17b</i> - Bổ sung giải thích để làm rõ hai khái niệm “thẩm định công nghệ” và “có ý kiến về công nghệ”. Đây là hai khái niệm còn gây nhầm lẫn trong Luật hiện hành. → Chính sách 6 ( <i>tăng cường quản lý nhà nước</i> )
20. <i>Môi giới chuyển giao công nghệ</i> là hoạt động hỗ trợ tìm kiếm đối tác để thực hiện chuyển giao công nghệ.	20. [ <del>Bãi bỏ khoản này</del> ] <del>Môi giới chuyển giao công nghệ là hoạt động hỗ trợ tìm kiếm đối tác để thực hiện chuyển giao công nghệ.</del>	<i>Bãi bỏ khoản 20, 21, 22</i> Đây là các khái niệm ít được sử dụng trong Luật.
21. <i>Tư vấn chuyển giao công nghệ</i> là hoạt động hỗ trợ lựa chọn, ứng dụng công nghệ; khai thác thông tin công nghệ, thông tin sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đàm phán, ký kết và thực hiện chuyển giao công nghệ.	21. [ <del>Bãi bỏ khoản này</del> ] <del>Tư vấn chuyển giao công nghệ là hoạt động hỗ trợ lựa chọn, ứng dụng công nghệ; khai thác thông tin công nghệ, thông tin sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đàm phán, ký kết và thực hiện chuyển giao công nghệ.</del>	Các từ ngữ được giải thích tại Điều 2 phải là những từ ngữ được sử dụng nhiều trong Luật, đối với những từ ngữ ít được sử dụng sẽ nêu trực tiếp định nghĩa tại điều luật có liên quan.
22. <i>Xúc tiến chuyển giao công nghệ</i> là hoạt động thúc đẩy cơ hội chuyển giao công nghệ; cung ứng dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu công nghệ; tổ chức chợ, hội chợ, triển lãm công nghệ, điểm kết nối cung cầu công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ.	22. [ <del>Bãi bỏ khoản này</del> ] <del>Xúc tiến chuyển giao công nghệ là hoạt động thúc đẩy cơ hội chuyển giao công nghệ; cung ứng dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu công nghệ; tổ chức chợ, hội chợ, triển lãm công nghệ, điểm kết nối cung cầu công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ.</del>	Các từ ngữ này được chuyển xuống quy định tại Mục 3, Chương IV về Biện pháp khuyến khích CGCN, Phát triển thị trường KH&CN.
<b>Điều 3. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 5</i>	
3. Ưu tiên chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch,	3. Ưu tiên chuyển giao <b>công nghệ chiến lược</b> , công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, <b>công</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 3</i>



Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực, công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao trong nước; bố trí nguồn lực đầu tư cho hoạt động chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn; chú trọng hoạt động chuyển giao công nghệ cho địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.</p>	<p><b>nghe xanh</b>, công nghệ, sạch, công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia, <b>dự án quan trọng quốc gia</b>, <b>dự án</b> trọng điểm, <del>chủ lực</del>, công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao trong nước; bố trí nguồn lực đầu tư cho hoạt động chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn; chú trọng hoạt động chuyển giao công nghệ cho địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành (không còn sản phẩm trọng điểm, sản phẩm chủ lực) và để mở rộng phạm vi đối tượng công nghệ được khuyến khích chuyển giao.</p> <p>→ Chính sách 1 (hoàn thiện để phù hợp với xu thế thế giới);</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>
<p>5. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ nước ngoài vào Việt Nam; khuyến khích chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước; chú trọng lan tỏa công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân.</p>	<p>5. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, <b>công nghệ chiến lược</b>, công nghệ cao từ nước ngoài vào Việt Nam; khuyến khích chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước; chú trọng lan tỏa công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 5</p> <p>→ Chính sách 1 (hoàn thiện để phù hợp với xu thế thế giới);</p>
<p><b>Điều 7. Quyền chuyển giao công nghệ</b></p>	<p>Thay thế Điều 7 cũ bằng Điều 7 mới (sửa đổi toàn bộ Điều 7)</p>	
<p>1. Chủ sở hữu công nghệ có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng công nghệ được chuyển giao quyền sử dụng công nghệ đó cho tổ chức, cá nhân khác khi chủ sở hữu công nghệ đồng ý.</p> <p>3. Phạm vi chuyển giao quyền sử dụng công nghệ do các bên thỏa thuận bao gồm:</p>	<p><b>1. Quyền sở hữu và quyền sử dụng công nghệ được xác lập, công nhận và bảo vệ trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chuyển giao, thừa kế hoặc giao dịch hợp pháp, phù hợp với pháp luật sở hữu trí tuệ, pháp luật dân sự và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</b></p> <p><b>2. Trong trường hợp công nghệ được tích hợp trong sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc hệ thống, quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ không</b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 7</p> <p>Điều 7 chưa quy định thế nào, khi nào là “chủ sở hữu công nghệ”. Đối với tài sản trí tuệ, chủ sở hữu và việc xác lập quyền sở hữu đã được quy định trong pháp luật về SHTT nhưng hiện chưa có quy định đối với công nghệ không có đăng ký bảo hộ quyền sở hữu (do không đáp ứng điều kiện để được bảo hộ SHTT hoặc giữ bí mật,</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>a) Độc quyền hoặc không độc quyền sử dụng công nghệ;</p> <p>b) Quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ của bên nhận chuyển giao cho bên thứ ba.</p>	<p><b>đương nhiên phát sinh cùng với quyền sở hữu đối với sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc hệ thống mà công nghệ được tích hợp trong đó, trừ khi có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác hoặc bên giao và bên nhận có thỏa thuận khác không trái với quy định của pháp luật.</b></p> <p><b>3. Chủ sở hữu công nghệ có quyền sau đây:</b></p> <p><b>a) Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ;</b></p> <p><b>b) Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.</b></p> <p><b>4. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng công nghệ được chuyển giao quyền sử dụng công nghệ đó cho tổ chức, cá nhân khác khi chủ sở hữu công nghệ đồng ý bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật.</b></p> <p><b>5. Phạm vi chuyển giao quyền sử dụng công nghệ do các bên thỏa thuận bao gồm:</b></p> <p><b>a) Quyền sử dụng công nghệ độc quyền hoặc không độc quyền;</b></p> <p><b>b) Quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ của bên nhận chuyển giao cho bên thứ ba.</b></p> <p><b>6. Việc sở hữu, sử dụng sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc hệ thống có tích hợp công nghệ không làm phát sinh, mở rộng hoặc hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ so với thỏa thuận giữa các bên hoặc quy định của pháp luật; mọi quyền liên quan đến công nghệ phải được xác định riêng biệt với quyền sở hữu sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc hệ thống có tích hợp công nghệ.</b></p>	<p>không đăng ký bảo hộ SHTT), điều này dẫn đến những rủi ro trong CGCN đối tượng này. Do vậy sửa đổi, hoàn thiện Điều 7 để quy định đầy đủ hơn, giảm rủi ro cho các bên liên quan.</p> <p><i>→ Chính sách 2 (hỗ trợ, thúc đẩy CGCN nội sinh); Chính sách 4 (động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho CGCN).</i></p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Điều 8. Góp vốn bằng công nghệ vào dự án đầu tư</b>	<i>Thay thế Điều 8 cũ bằng Điều 8 mới (sửa đổi toàn bộ Điều 8)</i>	
<p>Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 7 của Luật này được quyền góp vốn bằng công nghệ vào dự án đầu tư; trường hợp dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước thì công nghệ đưa vào góp vốn phải được thẩm định giá theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>1. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp công nghệ được quyền góp vốn bằng công nghệ vào dự án đầu tư hoặc doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</b></p> <p><b>2. Trường hợp dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước, công nghệ đưa vào góp vốn phải được thẩm định giá và xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trước khi thực hiện góp vốn.</b></p> <p><b>3. Nhà nước khuyến khích góp vốn bằng công nghệ nội sinh, đặc biệt là công nghệ hình thành từ kết quả nghiên cứu và phát triển có sử dụng ngân sách nhà nước, thông qua các biện pháp hỗ trợ thẩm định giá, xác lập quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ hợp pháp, và kết nối đối tác để khai thác hiệu quả công nghệ.</b></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 8</i></p> <p>Sửa đổi, hoàn thiện quy định hiện hành để làm cơ sở xây dựng cơ chế khuyến khích, thúc đẩy CGCN nội sinh, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển.</p> <p>→ Chính sách 2 (hỗ trợ, thúc đẩy CGCN nội sinh); Chính sách 4 (động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho CGCN).</p>
<b>Điều 9. Công nghệ khuyến khích chuyển giao</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1; điểm a, c, d, e, g, i khoản 2; bãi bỏ điểm b khoản 2</i>	
<p>1. Công nghệ cao; máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ cao được khuyến khích chuyển giao theo pháp luật về công nghệ cao.</p>	<p>1. <b>Công nghệ chiến lược</b>, công nghệ cao; máy móc, thiết bị đi kèm <b>công nghệ chiến lược</b>, công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1; điểm a, c, d, e, g, i khoản 2; bãi bỏ điểm b khoản 2</i></p>
<p>2. Công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam được khuyến khích chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao trong nước khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây:</p>	<p>2. Công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, <b>công nghệ xanh</b>, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam được khuyến khích chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao trong nước khi đáp ứng một <del>hoặc trong</del> các yêu cầu sau:</p>	<p>Bổ sung công nghệ chiến lược, công nghệ xanh vào Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao.</p>



Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
a) Tạo ra sản phẩm có chất lượng, có khả năng cạnh tranh cao hơn so với sản phẩm được tạo ra từ công nghệ cùng loại hiện có;	a) Tạo ra sản phẩm, <b>dịch vụ có năng suất</b> , chất lượng <b>hoặc hiệu quả sử dụng tài nguyên cao hơn so với sản phẩm, dịch vụ tương đương</b> , <del>có khả năng cạnh tranh cao hơn so với sản phẩm được tạo ra từ công nghệ cùng loại hiện có;</del>	- Tinh chỉnh, hoàn thiện các yêu cầu đối với công nghệ khuyến khích chuyển giao.
b) Tạo ra sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước;	b) <del>Tạo ra sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước;</del> [Bãi bỏ điểm này]	
c) Tạo ra dịch vụ, ngành, nghề sản xuất, chế tạo, chế biến sản phẩm mới; nuôi, trồng giống mới đã qua kiểm nghiệm;	c) Tạo ra <b>sản phẩm</b> , dịch vụ, <del>ngành, nghề sản xuất, chế tạo, chế biến sản phẩm</del> mới; <del>nuôi, trồng</del> giống <b>cây trồng, vật nuôi</b> mới đã qua kiểm nghiệm;	
d) Tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam;	d) Tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; <b>bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính;</b>	
đ) Sản xuất, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; lưu trữ năng lượng hiệu suất cao;	Giữ nguyên	
e) Tạo ra máy móc, thiết bị nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; máy móc, thiết bị y tế, dược phẩm phục vụ khám, điều trị, bảo vệ sức khỏe con người, nâng cao chất lượng thể chất người Việt Nam;	e) <del>Tạo ra máy móc, thiết bị</del> <b>Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; máy móc, thiết bị y tế, dược phẩm phục vụ khám, điều trị, bảo vệ sức khỏe con người, nâng cao chất lượng thể chất và đời sống người dân</b> <del>Việt Nam;</del>	
g) Phát hiện, xử lý, dự báo để phòng chống thiên tai, dịch bệnh; cứu hộ, cứu nạn; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính;	g) Phát hiện, xử lý, dự báo để phòng chống thiên tai, dịch bệnh; cứu hộ, cứu nạn; <del>bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính</del>	

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
h) Sản xuất đồng bộ theo chuỗi có hiệu quả kinh tế - xã hội cao;	h) Sản xuất đồng bộ theo chuỗi có hiệu quả kinh tế - xã hội cao;	
i) Tạo ra sản phẩm sử dụng đồng thời cho quốc phòng, an ninh và dân dụng;	i) <del>Tạo ra sản phẩm</del> <del>Sử dụng đồng thời cho</del> <b>mục đích</b> quốc phòng, an ninh và dân dụng;	
k) Phát triển, hiện đại hóa nghề thủ công truyền thống.	k) Giữ nguyên	
<b>Chương II. THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b>	<b>Chương II. THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ <del>DỰ ÁN</del> <b>ĐẦU TƯ</b></b>	<i>Sửa tên chương để mở rộng phạm vi, không chỉ thẩm định công nghệ dự án đầu tư mà cả các trường hợp khác. → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</i>
<b>Điều 13. Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3; bãi bỏ điểm b khoản 3; bổ sung điểm d khoản 3; bổ sung mới khoản 5.</i>	
1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, việc thẩm định công nghệ dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.	1. Trong giai đoạn <del>quyết định</del> <b>chấp thuận</b> chủ trương đầu tư, việc thẩm định công nghệ dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công; <b>dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1</i> - Thay cụm từ “quyết định chủ trương” bằng cụm từ “chấp thuận chủ trương” để đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư năm 2020. - Bổ sung trường hợp áp dụng quy định thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư. → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)
2. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, dự án đầu tư sau đây phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:	2. Trong giai đoạn <del>chấp thuận</del> <del>quyết định</del> chủ trương đầu tư, <b>cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</b> theo quy định của Luật Đầu tư, dự án đầu tư sau	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2</i> - Thay cụm từ “quyết định chủ trương” bằng cụm từ “chấp thuận chủ trương” để đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao;</p> <p>b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.</p>	<p>đây phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:</p> <p>a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao;</p> <p>b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.”</p>	<p>- Bổ sung trường hợp áp dụng quy định thẩm định công nghệ đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư.</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>
<p>3. Trong giai đoạn quyết định đầu tư, việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện như sau:</p> <p>a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>c) Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</p>	<p>3. Trong giai đoạn quyết định đầu tư, việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện như sau:</p> <p>a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ phải được thẩm định <b>về công nghệ đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công</b> hoặc có ý kiến về công nghệ <b>đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công, dự án đầu tư sử dụng vốn khác</b> theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>c) <del>Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</del>[bãi bỏ điểm này];</p> <p>d) Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 3</i></p> <p>Sửa đổi để phù hợp với hành lang pháp lý của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
	<p><b>5. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nếu cần thiết thẩm định công nghệ nhằm thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ, hoặc cấp giấy phép bảo vệ môi trường hoặc các nhu cầu khác phục vụ hoạt động quản lý của dự án đầu tư theo quy định pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư tiến hành thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo đề nghị của nhà đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ.</b></p>	<p><i>Bổ sung khoản 5</i>          Bổ sung quy định để đầy đủ các trường hợp thẩm định đầu tư.          → Chính sách 6 (tăng cường QLNN)</p>
<p><b>Điều 14. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư</b></p>	<p><b>Điều 14. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định, <i>chấp thuận</i> chủ trương đầu tư</b></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung tên Điều 14, khoản 1, khoản 2 và khoản 3</i>          Bổ sung cụm từ "chấp thuận chủ trương" để đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư năm 2020.          → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>
<p>1. Thẩm quyền thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</p>	<p>1. Thẩm quyền thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, <b>dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</b></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1</i>          Sửa đổi để phù hợp với hành lang pháp lý của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.          → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>
<p>2. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này, dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công</p>	<p>2. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này, dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2</i>          - Bổ sung thẩm quyền đối tượng dự án đầu tư trên địa bàn hành chính của 2 tỉnh, thành</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>nghệ hạn chế chuyển giao được thực hiện như sau:</p> <p>a) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội;</p> <p>b) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>c) Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p>	<p>trường có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao được thực hiện như sau:</p> <p>a) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền <del>quyết định</del> <b>chấp thuận</b> chủ trương đầu tư của Quốc hội;</p> <p>b) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền <del>chấp thuận quyết định</del> chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; <b>dự án đầu tư trên địa bàn hành chính của hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;</b></p> <p>c) Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với <b>dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</b>, dự án thuộc trường hợp phải <del>chấp thuận quyết định</del> chủ trương đầu tư và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p>	<p>phổ trực thuộc trung ương trở lên để tránh vướng mắc đối với dự án này.</p> <p>- Bổ sung thẩm quyền của địa phương đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do đối tượng dự án này đã được bổ sung vào đối tượng thẩm định công nghệ tại khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật.</p> <p>→ Chính sách 6 (<i>tăng cường quản lý nhà nước</i>)</p>
<p>3. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Luật này được thực hiện như sau:</p> <p>a) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội;</p> <p>b) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án</p>	<p>3. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Luật này được thực hiện như sau:</p> <p>a) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền <del>quyết định</del> <b>chấp thuận</b> chủ trương đầu tư của Quốc hội;</p> <p>b) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 3</i></p> <p>- Bổ sung thẩm quyền của địa phương đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do đối tượng dự án này đã được bổ sung vào đối tượng thẩm định công nghệ tại khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật.</p> <p>→ Chính sách 6 (<i>tăng cường quản lý nhà nước</i>)</p>



Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p>	<p>quyền <del>quyết định</del><b>chấp thuận</b> chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>c) Cơ quan chuyên môn <b>thực hiện chức năng tham mưu</b> <del>thuộc</del> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <b>quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực (sau đây gọi tắt là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</b> chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với <b>dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</b>, dự án thuộc trường hợp phải <del>quyết định</del><b>chấp thuận</b> chủ trương đầu tư và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p>	
<p><b>Điều 15. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư</b></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 3 điều này</i></p>	
<p>1. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 của Luật này được thực hiện như sau:</p> <p>a) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định về công nghệ đối với dự án quan trọng quốc gia;</p> <p>b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng chủ trì, phối hợp với cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cùng cấp thẩm định về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước;</p> <p>c) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thẩm định hoặc có ý kiến về</p>	<p>1. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 của Luật này như sau:</p> <p><b>a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công: Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì thẩm định về công nghệ đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, dự án do Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực (sau đây gọi tắt là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân</b></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1</i></p> <p>- Đối với dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Luật CGCN: thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đồng bộ với quy định tại khoản 5 Điều 57 Luật Xây dựng và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác.</p>	<p><b>cấp tỉnh) chủ trì thẩm định về công nghệ đối với các dự án còn lại;</b></p> <p><b>b) Đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến về công nghệ đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, dự án do Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về khoa học, công nghệ, các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến về công nghệ đối với các dự án còn lại;</b></p> <p><b>c) Đối với các dự án sử dụng vốn khác: Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến về công nghệ đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về khoa học, công nghệ, các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến về công nghệ đối với các dự án còn lại.</b></p>	
<p>3. Thẩm quyền thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 của Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</p>	<p>3. Thẩm quyền thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm c, <b>điểm d</b> khoản 3 Điều 13 của Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, <b>pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</b></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 3</i></p> <p>- Sửa đổi để phù hợp với hành lang pháp lý của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>
<p><b>Điều 16. Nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư</b></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a, b, g khoản 1; bãi bỏ điểm c khoản 1; bổ sung mới điểm h khoản 1; sửa đổi, thay thế khoản 2</i></p>	

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư bao gồm:	1. Trong giai đoạn <del>quyết định chấp thuận</del> chủ trương đầu tư, <del>hoặc khi xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư</del> , nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư bao gồm:	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1</i> Sửa đổi phần đầu khoản 1 bổ sung trường hợp <i>cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.</i> → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)
a) Phân tích và lựa chọn phương án công nghệ;	a) Phân tích và lựa chọn phương án công nghệ, <del>quy mô, công suất/năng suất sản phẩm công nghệ;</del>	
b) Tên, xuất xứ, sơ đồ quy trình công nghệ; dự kiến danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ thuộc phương án công nghệ lựa chọn;	b) <del>Xác định công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích/hạn chế chuyển giao; Tên</del> tên, xuất xứ, sơ đồ quy trình công nghệ; <del>dự kiến danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ</del> thuộc phương án công nghệ lựa chọn;	
c) Tài liệu chứng minh công nghệ đã được kiểm chứng (nếu có);	c) <del>[Bãi bỏ điểm này] Tài liệu chứng minh công nghệ đã được kiểm chứng (nếu có); Tài liệu chứng minh công nghệ đã được kiểm chứng (nếu có);</del>	
g) Dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ trong trường hợp góp vốn bằng công nghệ.	g) <del>Dự thảo hợp đồng</del> Thông tin về chuyển giao công nghệ trong trường hợp góp vốn bằng công nghệ <del>hoặc dự án có nhận chuyển giao công nghệ;</del>	
	<b>Bổ sung điểm h</b> <b>h) Điều kiện để được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật khác có liên quan (nếu có).</b>	
2. Trong giai đoạn quyết định đầu tư, nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư bao gồm:	2. Trong giai đoạn quyết định đầu tư, nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư bao gồm:	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2</i>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>a) Tên, xuất xứ, sơ đồ quy trình công nghệ; danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị trong dây chuyền công nghệ;</p> <p>b) Sản phẩm, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm;</p> <p>c) Khả năng đáp ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho dây chuyền công nghệ;</p> <p>d) Chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ;</p> <p>đ) Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc, thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật.</p>	<p><b>a) Mô tả về công nghệ, giải trình công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích/hạn chế chuyển giao; sơ đồ quy trình công nghệ; bản vẽ thiết kế phương án bố trí, lắp đặt máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án;</b></p> <p><b>b) Danh mục máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án, trong đó thể hiện đầy đủ: tên, số lượng, năm sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, kiểu loại (model), nước sản xuất, tên nhà sản xuất của máy móc, thiết bị;</b></p> <p><b>c) Sản phẩm, quy mô số lượng, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm của dự án; định mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng;</b></p> <p><b>d) Khả năng đáp ứng nguyên liệu, vật liệu, điện nước cho dây chuyền công nghệ và các điều kiện khác (nếu có) để sử dụng, vận hành công nghệ;</b></p> <p><b>đ) Yêu cầu đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ;</b></p> <p><b>e) Yêu cầu về (số lượng, trình độ, năng lực) nhân lực quản lý và vận hành công nghệ; chương trình, kế hoạch đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ;</b></p> <p><b>g) Thông tin về chuyển giao công nghệ sử dụng trong dự án; minh chứng công nghệ đã được sử dụng tại các dự án khác (nếu có);</b></p> <p><b>i) Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc, thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật.</b></p>	<p>- Yêu cầu giải trình Trong giai đoạn <i>chấp thuận</i> chủ trương đầu tư theo quy định cũ không phù hợp với nội dung có ý kiến về công nghệ quy định tại Điều 19. Việc khai báo danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ trong giai đoạn <i>chấp thuận</i> chủ trương gây mất thời gian, trong khi đến giai đoạn quyết định đầu tư mới thiết kế chi tiết. Khi đó Danh mục máy móc, thiết bị có thể sẽ thay đổi.</p> <p>→ Chính sách 6 (<i>tăng cường quản lý nhà nước</i>)</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Điều 17. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư</b>	<b>Điều 17. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định, <i>chấp thuận</i> chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung tên Điều 17, khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 17</i>
Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư thực hiện như sau:	Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư thực hiện như sau:	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 17</i> - Sửa đổi để phù hợp với hành lang pháp lý của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)
1. Đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công, trình tự thẩm định công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.	1. Đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công, trình tự thẩm định công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công; <b>đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trình tự thẩm định công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</b>	
2. Đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, trình tự thẩm định công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.	2. Đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này thuộc thẩm quyền <b>chấp thuận</b> quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, trình tự thẩm định công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
3. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Bộ Khoa học và Công nghệ để có ý kiến về công nghệ.	3. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này thuộc thẩm quyền <b>quyết định chấp thuận</b> chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Bộ Khoa học và Công nghệ để có ý kiến về công nghệ.	



Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>4. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân cấp tỉnh để có ý kiến về công nghệ.</p>	<p>4. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này không thuộc thẩm quyền <b>chấp thuận quyết định</b> chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ, <b>dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</b>, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân cấp tỉnh để có ý kiến về công nghệ.</p>	
<p>5. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Luật này thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để có ý kiến về công nghệ.</p>	<p>5. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Luật này thuộc thẩm quyền <b>chấp thuận quyết định</b> chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để có ý kiến về công nghệ.</p>	
<p>6. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Luật này không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân cấp tỉnh để có ý kiến về công nghệ;</p>	<p>6. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Luật này không thuộc thẩm quyền <b>quyết định chấp thuận</b> chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ, <b>dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Luật này thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</b>, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân cấp tỉnh để có ý kiến về công nghệ.</p>	

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Điều 18. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định đầu tư</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3; bãi bỏ khoản 2.</i>	
<p>1. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 của Luật này thực hiện như sau:</p> <p>a) Đối với dự án quan trọng quốc gia, trình tự thẩm định về công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và đầu tư công;</p> <p>b) Đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo trích lục hồ sơ có liên quan đến cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước cùng cấp về ngành, lĩnh vực để có ý kiến về công nghệ;</p> <p>c) Đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác, chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để thẩm định thiết kế cơ sở, trừ việc thẩm định phân thiết kế công nghệ; đồng thời gửi tới cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước cùng cấp về ngành, lĩnh vực với cơ quan chuyên môn về xây dựng để có ý kiến về thiết kế công nghệ.</p>	<p><b>1. Đối với dự án quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 13 của Luật này:</b></p> <p><b>a) Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật xây dựng;</b></p> <p><b>b) Thời gian thẩm định công nghệ đối với dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công;</b></p> <p><b>c) Thời gian có ý kiến về công nghệ đối với dự án không thuộc quy định tại điểm b khoản này là 30 ngày đối với dự án do Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư; 20 ngày đối với dự án nhóm A, 15 ngày đối với dự án nhóm B, 10 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp cần gia hạn thời gian có ý kiến về công nghệ thì thời gian gia hạn không quá thời hạn tương ứng quy định tại khoản này. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo cho cơ quan chủ trì thẩm định về việc gia hạn bằng văn bản và nêu rõ lý do;</b></p> <p><b>d) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đồng thời là cơ quan chủ trì thẩm định dự án thì thời hạn thẩm định, có ý kiến về công nghệ được tính trong thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.</b></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1</i></p> <p>- Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 57 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020; Điều 21 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p> <p>- Bổ sung thời gian vào điểm rơi khoản 1 vì khoản 5 Điều 57 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020 nêu "thời gian thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ". Việc bổ sung nội dung này đã bảo đảm đồng bộ với quy định tại Điều 21 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng đồng thời là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thì cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định về thiết kế cơ sở bao gồm cả thiết kế công nghệ;</p> <p>d) Thời gian có ý kiến về công nghệ là 20 ngày đối với dự án nhóm A, 15 ngày đối với dự án nhóm B, 10 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp cần gia hạn thời gian có ý kiến về công nghệ thì thời gian gia hạn không quá thời hạn tương ứng quy định tại điểm này. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo cho cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc chủ đầu tư về việc gia hạn bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng đồng thời là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thì thời hạn thẩm định thiết kế công nghệ được tính trong thời hạn thẩm định thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p>		
<p>2. Trình tự thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 của Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p>	<p><del>2. Trình tự thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 của Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.</del>[Bãi bỏ khoản này]</p>	<p><i>Bãi bỏ khoản này</i></p>
<p>3. Trình tự thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 của Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</p>	<p>3. Trình tự thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm c, <b>điểm d</b> khoản 3 Điều 13 của Luật này được thực hiện theo quy định của pháp</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 3</i> - Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với đối tượng dự án đầu tư theo phương thức đối</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
	luật về đầu tư công, <b>pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</b>	tác công tư đã được bổ sung vào điểm d khoản 3 Điều 13 dự thảo Luật. → Chính sách 6 ( <i>tăng cường quản lý nhà nước</i> )
<b>Điều 19. Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm e và g khoản 1; bổ sung mới điểm aa khoản 1; bãi bỏ điểm b, c; sửa đổi, thay thế khoản 2</i>	
1. Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư được quy định như sau:	1. Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn <b>chấp thuận quyết định</b> chủ trương đầu tư được quy định như sau:	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1</i>
a) Sự phù hợp của phương án công nghệ được lựa chọn;	a) Sự phù hợp của phương án công nghệ được lựa chọn;	
	<b>aa) Xem xét công nghệ sử dụng trong dự án có thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ;</b>	<i>Bổ sung điểm aa)</i>
b) Việc kiểm chứng sử dụng công nghệ tại các quốc gia phát triển (nếu có);	b) <del>[Bãi bỏ điểm này] Việc kiểm chứng sử dụng công nghệ tại các quốc gia phát triển (nếu có)</del>	<i>Bãi bỏ điểm này</i>
c) Việc đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho vận hành dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư (nếu có);	c) <del>Việc đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho vận hành dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư (nếu có);</del> <b>[Bãi bỏ điểm này]</b>	<i>Bãi bỏ khoản này</i>
d) Việc đáp ứng các điều kiện sử dụng công nghệ;	d) Việc đáp ứng các điều kiện sử dụng công nghệ;	Giữ nguyên
đ) Sơ bộ tác động ảnh hưởng của công nghệ đến môi trường;	đ) Sơ bộ tác động ảnh hưởng của công nghệ đến môi trường;	Giữ nguyên

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
e) Dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có);	e) <b>Xem xét nội dung thỏa thuận</b> <del>dự thảo hợp đồng</del> chuyển giao công nghệ <del>(nếu có)</del> <b>trong trường hợp góp vốn bằng công nghệ hoặc dự án có nhận chuyển giao công nghệ;</b>	Sửa đổi, bổ sung điểm e
g) Đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ cao, nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản này và đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.	g) <b>Đánh giá việc đáp ứng các điều kiện để được hưởng ưu đãi hỗ trợ đối với dự án đầu tư có đề xuất ưu đãi, hỗ trợ-</b> <del>Đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ cao, nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản này và đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn</del> theo quy định của pháp luật <del>về công nghệ cao.</del>	Sửa đổi, bổ sung điểm g
2. Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư được quy định như sau:	2. Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư được quy định như sau:	
<p>a) Sự phù hợp của công nghệ, máy móc, thiết bị với phương án được lựa chọn trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Sản phẩm, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm;</p> <p>c) Sự phù hợp, khả năng đáp ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho việc vận hành công nghệ, máy móc, thiết bị;</p> <p>d) Chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị;</p> <p>đ) Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc, thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật.</p>	<p><del>a) Sự phù hợp của công nghệ, máy móc, thiết bị với phương án được lựa chọn trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định khác của pháp luật có liên quan;</del></p> <p><del>b) Sản phẩm, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm;</del></p> <p><del>c) Sự phù hợp, khả năng đáp ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho việc vận hành công nghệ, máy móc, thiết bị;</del></p> <p><del>d) Chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị;</del></p> <p><del>đ) Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc, thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật.</del></p>	<p>Sửa lại nội dung khoản 2</p> <p>Nội dung nội dung thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư còn chưa đầy đủ để bảo đảm kiểm soát hoạt động lựa chọn phương án ứng dụng, đặc biệt là các trường hợp sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao, công nghệ có nguy cơ mất an toàn lao động, tác động xấu đến môi trường, thâm dụng tài nguyên, có ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng,... hoặc đánh giá việc đáp ứng các điều kiện để hưởng ưu đãi hỗ trợ đầu tư. Do vậy sửa đổi, bổ sung để đầy đủ hơn.</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>



Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
	<p>a) Xem xét công nghệ sử dụng trong dự án có thuộc danh mục công nghệ khuyến khích, hạn chế, cấm chuyển giao;</p> <p>b) Đánh giá sự phù hợp phương án công nghệ, máy móc, thiết bị công nghệ với mục tiêu, quy mô, công suất của dự án;</p> <p>c) Đánh giá tác động công nghệ đến môi trường; phương án xử lý, giảm thiểu tác động của công nghệ đến môi trường;</p> <p>d) Đánh giá việc đáp ứng yêu cầu, quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, yêu cầu của cấp có thẩm quyền (nếu có) về an toàn, mức phát sinh chất thải, mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng đối với công nghệ, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ;</p> <p>đ) Đánh giá tính khả thi điều kiện sử dụng, vận hành công nghệ;</p> <p>g) Đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm của dự án đầu tư;</p> <p>h) Đánh giá việc đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho vận hành dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư;</p> <p>i) Đánh giá việc đáp ứng tiêu chí theo quy định pháp luật công nghệ cao đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ cao.</p> <p>k) Đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ nếu dự án có thực hiện chuyển giao công nghệ;</p> <p>l). Các ý kiến khác cần lưu ý (nếu có).</p>	

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Điều 20. Thực hiện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư</b>	<i>Bổ sung mới khoản 3a, điểm c khoản 4.</i>	
	<p><b>3a. Tổ chức tư vấn độc lập là tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật, có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực công nghệ. Chuyên gia tư vấn độc lập là chuyên gia thuộc cơ sở dữ liệu do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.</b></p> <p><b>Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình và giữ bí mật thông tin liên quan đến dự án đầu tư. Ý kiến của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập phải được lập thành văn bản.</b></p>	<p><i>Bổ sung khoản 3a</i></p> <p>Bổ sung để làm rõ yêu cầu, tránh nhiệm đối với Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập khi được lấy ý kiến về công nghệ</p>
<p>4. Kinh phí tổ chức lấy ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư được thực hiện như sau:</p> <p>a) Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Trong giai đoạn quyết định đầu tư do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư.</p>	<p>4. Kinh phí tổ chức lấy ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư được thực hiện như sau:</p> <p>a) Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Trong giai đoạn quyết định đầu tư do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư.</p>	Giữ nguyên
	<p><b>c) Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ chế, nội dung chi, mức chi đối với hoạt động lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư quy định tại Điều này.</b></p>	<p><i>Bổ sung điểm c</i></p> <p>Quy định tại khoản 4 Điều 20 về kinh phí tổ chức lấy ý kiến về công nghệ còn chưa cụ thể, rõ ràng, dẫn đến gặp nhiều vướng mắc trong thực tiễn khi không rõ nội dung chi, mức chi cho Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập; không rõ cơ chế để doanh nghiệp, chủ đầu tư chi trả kinh phí tổ chức lấy ý</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
		kiến về công nghệ trong giai đoạn xem xét, quyết định đầu tư dự án. Do đó sửa đổi để giao Chính phủ quy định chi tiết. → Chính sách 6 ( <i>tăng cường quản lý nhà nước</i> )
<b>Điều 21. Kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2; bổ sung mới điểm c khoản 3 và khoản 4.</i>	
2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật.	2. Cơ quan <b>chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ quản lý nhà nước về đầu tư</b> có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý <b>nhà nước chuyên ngành đầu tư và các cơ quan liên quan</b> để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật <b>về đầu tư và quy định của Luật này.</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3</i> Pháp luật về đầu tư hiện hành quy định cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện giám sát dự án đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trong khi Điều 21 Luật CGCN lại quy định việc kiểm tra, giám sát công nghệ dự án đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật đầu tư. Mặt khác, Luật CGCN cũng chưa quy định rõ hoặc giao cho Chính phủ quy định chi tiết nhằm hướng dẫn rõ về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và hoạt động CGCN. → Chính sách 6 ( <i>tăng cường quản lý nhà nước</i> )
3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ trong các trường hợp sau đây: a) Theo kế hoạch; b) Khi có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ.	3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ trong các trường hợp sau đây: a) Theo kế hoạch; b) Khi có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ; <b>c) Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được hưởng ưu đãi, hỗ trợ liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ.</b>	
	<b>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</b>	<i>Bổ sung mới khoản 4</i>
<b>Chương III. HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ</b>		

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Điều 23. Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ</b>	<i>Bổ sung mới khoản 3a và 3b; sửa đổi, bổ sung khoản 4.</i>	
<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tên công nghệ được chuyển giao.</li> <li>2. Đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.</li> <li>3. Chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.</li> <li>4. Phương thức chuyển giao công nghệ.</li> <li>5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.</li> <li>6. Giá, phương thức thanh toán.</li> <li>7. Thời hạn, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.</li> <li>8. Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong hợp đồng (nếu có).</li> <li>9. Kế hoạch, tiến độ chuyển giao công nghệ, địa điểm thực hiện chuyển giao công nghệ.</li> <li>10. Trách nhiệm bảo hành công nghệ được chuyển giao.</li> <li>11. Phạt vi phạm hợp đồng.</li> <li>12. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.</li> <li>13. Cơ quan giải quyết tranh chấp.</li> <li>14. Nội dung khác do các bên thỏa thuận.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tên công nghệ được chuyển giao.</li> <li>2. Đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.</li> <li>3. Chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.</li> <li><b>3a. Tài liệu minh chứng quyền sở hữu công nghệ, quyền chuyển giao công nghệ.</b></li> <li><b>3b. Cam kết của bên chuyển giao về quyền chuyển giao công nghệ trong trường hợp không có tài liệu minh chứng.</b></li> <li><del>4. Phương thức</del> <b>Mức</b> chuyển giao công nghệ.</li> <li>5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.</li> <li>6. Giá, phương thức thanh toán.</li> <li>7. Thời hạn, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.</li> <li>8. Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong hợp đồng (nếu có).</li> <li>9. Kế hoạch, tiến độ chuyển giao công nghệ, địa điểm thực hiện chuyển giao công nghệ.</li> <li>10. Trách nhiệm bảo hành công nghệ được chuyển giao.</li> <li>11. Phạt vi phạm hợp đồng.</li> <li>12. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.</li> <li>13. Cơ quan giải quyết tranh chấp.</li> <li>14. Nội dung khác do các bên thỏa thuận.</li> </ol>	<p><i>Bổ sung mới khoản 3a và 3b; sửa đổi, bổ sung khoản 4.</i></p> <p>Bổ sung để đảm bảo bên chuyển giao có quyền sở hữu công nghệ hoặc quyền chuyển giao công nghệ hợp pháp, tránh rủi ro cho bên nhận chuyển giao.</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước); Chính sách 4 (động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho CGCN).</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Điều 29. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 và 4</i>	
2. Tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao gửi hồ sơ đến Bộ Khoa học và Công nghệ để đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.	2. Tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao gửi hồ sơ đến <b>cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nhận chuyển giao công nghệ</b> <del>Bộ Khoa học và Công nghệ</del> để đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 và 4</i> Sửa đổi nhằm thực hiện phân cấp cho chính quyền địa phương. Phân cấp cho UBND tỉnh thực hiện thủ tục chấp thuận và cấp giấy phép chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao. → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)
3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.	3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <b>cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b> <del>Bộ Khoa học và Công nghệ</del> có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.	
4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Bộ, ngành có liên quan ra văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ; trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, <b>cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b> <del>Bộ Khoa học và Công nghệ</del> chủ trì phối hợp với Bộ, ngành có liên quan ra văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ; trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
<b>Điều 30. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 và 5.</i>	
2. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ.	2. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của <b>cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b> <del>Bộ Khoa học và Công nghệ</del> , tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ.	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 và 4</i> Sửa đổi nhằm thực hiện phân cấp cho chính quyền địa phương. Phân cấp cho UBND tỉnh thực hiện thủ tục chấp thuận và cấp giấy



Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, bên có nghĩa vụ thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ đến Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, bên có nghĩa vụ thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ đến <b>Bộ Khoa học và Công nghệ cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</b></p>	<p>phép chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao. → Chính sách 6 (<i>tăng cường quản lý nhà nước</i>)</p>
<p>4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, các bên sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời gian việc sửa đổi, bổ sung. Thời gian gia hạn không quá 60 ngày, hết thời hạn này, nếu các bên không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì Bộ Khoa học và Công nghệ ra thông báo từ chối cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ và trả lại hồ sơ nếu có yêu cầu.</p>	<p>4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <b>cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b> <del>Bộ Khoa học và Công nghệ</del> có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, các bên sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời gian việc sửa đổi, bổ sung. Thời gian gia hạn không quá 60 ngày, hết thời hạn này, nếu các bên không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì <b>cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b> <del>Bộ Khoa học và Công nghệ</del> ra thông báo từ chối cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ và trả lại hồ sơ nếu có yêu cầu.</p>	
<p>5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, <b>cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b> <del>Bộ Khoa học và Công nghệ</del> có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Điều 31. Đăng ký chuyển giao công nghệ</b>		
<p>1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ và phần chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này thuộc một trong những trường hợp sau đây phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, trừ công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ:</p> <p>a) Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;</p> <p>b) Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài;</p> <p>c) Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p>	<p>1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ <b>quy định tại khoản 1 Điều 5</b> và phần chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này <del>thuộc một trong những trường hợp sau đây</del> phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, trừ trường hợp chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.:</p> <p><del>a) Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;</del></p> <p><del>b) Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài;</del></p> <p><del>c) Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</del></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1</i></p> <p>Sửa đổi để quy định rõ ràng, đầy đủ hơn.</p> <p>→ Chính sách 6 (<i>tăng cường quản lý nhà nước</i>)</p>
<b>Chương IV. BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>		
<b>Mục 1. THÚC ĐẨY ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ</b>		
<b>Điều 35. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ</b>	<i>Sửa đổi, thay thế nội dung Điều 35</i>	
<p>1. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc địa bàn, lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ với tổ chức khoa học và công nghệ.</p> <p>2. Doanh nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đầu</p>	<p><b>1. Hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao trong nước được phân loại theo mức độ tiếp nhận và phát triển công nghệ từ công nghệ được chuyển giao của bên nhận chuyển giao, gồm các mức:</b></p>	<p><i>Sửa đổi, thay thế nội dung Điều 35</i></p> <p>Các chính sách khuyến khích, ưu đãi hiện nay được quy định và áp dụng chung, chỉ quy định có hoạt động CGCN thì được ưu đãi, các mức khuyến khích, ưu đãi chưa theo mức CGCN (mức độ tiếp nhận và</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>tư, đối ứng vốn, nhận vốn đối ứng đầu tư cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của mình và thực hiện nội dung chi khác theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.</p> <p>3. Quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền khác phát sinh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đối tượng sở hữu trí tuệ có thể xác định được giá trị là quyền tài sản.</p> <p>Tổ chức tín dụng được nhận quyền tài sản quy định tại khoản này để bảo đảm cho giao dịch vay vốn đầu tư cho các dự án khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển sản xuất, kinh doanh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</p> <p>4. Nhà nước khuyến khích các hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu chung.</p> <p>5. Doanh nghiệp đầu tư cho cơ sở vật chất - kỹ thuật hoạt động giải mã công nghệ, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải mã công nghệ được hưởng các ưu đãi sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ vốn, bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay vốn từ tổ chức tín dụng;</p>	<p><b>a) Ứng dụng và vận hành;</b></p> <p><b>b) Làm chủ và cải tiến;</b></p> <p><b>c) Đổi mới và phát triển.</b></p> <p><b>2. Căn cứ mức độ tiếp nhận quy định tại khoản 1 và mức chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ công nghệ được chuyển giao, mục đích sử dụng, phạm vi, loại hình và tính chất công nghệ được chuyển giao, khả năng tạo giá trị gia tăng và nâng cao năng lực nội sinh của bên nhận chuyển giao là doanh nghiệp Việt Nam, Nhà nước có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ sau:</b></p> <p><b>a) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai, áp dụng, cải tiến công nghệ, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; kết nối chuyên gia; tư vấn kỹ thuật; đào tạo; thử nghiệm và hiệu chỉnh công nghệ thông qua Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, địa phương.</b></p> <p><b>b) Chi phí của doanh nghiệp cho hoạt động chuyển giao công nghệ, bao gồm chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ công nghệ được chuyển giao, khoản chi hoạt động chuyển giao công nghệ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ 50% đối với mức Ứng dụng và vận hành, 100% đối với mức Làm chủ và cải tiến và 200% đối với mức Đổi mới và phát triển.</b></p>	<p>phát triển công nghệ). Do vậy, cần sửa đổi, hoàn thiện quy định hiện hành tại theo hướng quy định về các mức CGCN và quy định các chính sách khuyến khích, ưu đãi tương ứng với mức CGCN.</p> <p>→ Chính sách 4 (động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho CGCN); Chính sách 2 (thúc đẩy CGCN nội sinh).</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>b) Các hỗ trợ, ưu đãi khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo chức năng nhiệm vụ của mình tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p><b>c) Doanh nghiệp được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phần mềm và dịch vụ công nghệ phục vụ trực tiếp cho hoạt động chuyển giao công nghệ, bao gồm chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ công nghệ được chuyển giao;</b></p> <p><b>d) Doanh nghiệp được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với máy móc, thiết bị công nghệ mới, công nghệ cao, nhằm khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả đầu tư và giảm thiểu hao mòn vô hình của tài sản công nghệ.</b></p> <p><b>3. Nhà nước dành ngân sách từ nguồn chi cho KHCN&amp;ĐMST để phát triển mạng lưới các tổ chức KH&amp;CN có chức năng ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thực hiện hoạt động khuyến công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể áp dụng các phương pháp thực hành tốt, công nghệ sẵn có, đã được kiểm chứng về hiệu quả để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp.</b></p> <p><b>4. Hoạt động khuyến công nghệ thực hiện theo cơ chế thị trường, được trợ giá tối đa 30% cho các khoản hỗ trợ trực tiếp nhưng không vượt quá mức trần quy định với mỗi loại dịch vụ, tại mỗi địa bàn.</b></p> <p><b>5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.</b></p>	

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
	<b>Điều 35a. Nhà nước mua và phổ biến công nghệ</b>	
	<p><b>1. Nhà nước có quyền mua quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ để phổ biến cho tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu hoặc cộng đồng nhằm:</b></p> <p><b>a) Phát triển kinh tế - xã hội;</b></p> <p><b>b) An ninh, quốc phòng;</b></p> <p><b>c) Mục tiêu công cộng và xã hội, bao gồm giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh.</b></p> <p><b>2. Việc mua công nghệ phải đáp ứng các nguyên tắc: công nghệ có giá trị, phù hợp năng lực triển khai, quyền sở hữu trí tuệ rõ ràng và sử dụng ngân sách minh bạch, hiệu quả.</b></p> <p><b>3. Sau khi mua, Nhà nước phổ biến công nghệ bằng một hoặc nhiều hình thức: miễn phí, ưu đãi, hoặc cấp quyền sử dụng có điều kiện; thúc đẩy hợp tác đồng phát triển công nghệ để nâng cao năng lực nội sinh.</b></p> <p><b>4. Chính phủ quy định chi tiết về quy trình mua, phổ biến, giám sát và đánh giá hiệu quả.</b></p>	<p><i>Bổ sung mới Điều 35a.</i></p> <p>CGCN không chỉ phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh mà còn phục vụ mục đích nghiên cứu, ứng dụng phục vụ xã hội, công ích (như các phương pháp điều trị, công nghệ phẫu thuật trong lĩnh vực y tế...) nhưng vấn đề này chưa được quy định trong pháp luật về CGCN, cần được bổ sung.</p> <p>→ Chính sách 4 (động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho CGCN); Chính sách 2 (thúc đẩy CGCN nội sinh); Chính sách 3: Phát triển thị trường khoa học và công nghệ</p>
<b>Điều 36. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</b>	<b>Điều 36. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, <del>và</del> phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước</b>	<p><i>Sửa đổi tên Điều 36</i></p> <p>Sửa đổi tên điều để phù hợp với Luật KHCN&amp;ĐMST</p>
1. Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc tài sản công được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	<b>1. Cơ quan nhà nước phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có quyền, nghĩa vụ sau đây trong việc thương mại hóa kết quả của các nhiệm vụ này:</b>	<p><i>Sửa đổi, thay thế nội dung Điều 36</i></p> <p>Luật KHCN&amp;ĐMST đã quy định về việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nên các quy định tại Điều 36 không còn cần thiết. Các nội dung mới nhằm bổ</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>2. Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thì việc giao quyền sở hữu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính, đồng thời là tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thì Nhà nước giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức đó;</p> <p>b) Trường hợp Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên cơ sở hợp tác giữa tổ chức đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính và tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì Nhà nước giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo thỏa thuận giữa các bên.</p> <p>3. Việc phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước phải bảo đảm lợi ích của chủ sở hữu, tác giả, tổ chức chủ trì, tổ chức trung gian, tổ chức, cá nhân tham gia thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sau khi có kết quả được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học</p>	<p><b>a) Bảo đảm lợi ích của Nhà nước đối với quyền sở hữu trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ;</b></p> <p><b>b) Phối hợp với cơ quan chủ quản và tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong việc bảo hộ, khai thác, thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ;</b></p> <p><b>c) Bảo đảm quyền sử dụng hợp lý kết quả cho mục đích nghiên cứu, công bố theo quy định của pháp luật;</b></p> <p><b>d) Thực hiện thương mại hóa kết quả nhiệm vụ trong trường hợp Nhà nước thu hồi.</b></p> <p><b>2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có quyền, nghĩa vụ sau đây trong việc thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ:</b></p> <p><b>a) Quản lý, sử dụng, chuyển giao, thương mại hóa và phân chia lợi nhuận từ kết quả nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;</b></p> <p><b>b) Bảo hộ, khai thác, thương mại hóa kết quả bảo đảm minh bạch, trách nhiệm giải trình;</b></p> <p><b>c) Liên kết hoặc thành lập tổ chức chuyển giao công nghệ để thương mại hóa kết quả;</b></p> <p><b>d) Báo cáo định kỳ về hoạt động bảo hộ và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ;</b></p> <p><b>đ) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan cấp kinh phí theo hợp đồng;</b></p> <p><b>e) Thành lập doanh nghiệp khởi nguồn để thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.</b></p>	<p>sung các biện pháp để tiếp tục thúc đẩy thương mại hóa kết quả từ các nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>→ Chính sách 2 (thúc đẩy CGCN nội sinh).</p>



Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>và công nghệ công nhận thì được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước; trường hợp kết quả có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh thì Nhà nước sẽ xem xét mua kết quả đó.</p> <p>Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức thu thập, đánh giá, lựa chọn, công nhận, công bố kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ nhu cầu đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân trong các ngành, nghề, lĩnh vực theo phân cấp quản lý.</p> <p>5. Tổ chức khoa học và công nghệ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp đặc thù của địa phương.</p> <p>6. Cá nhân thuộc các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học thực hiện hoạt động nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ, từ nguồn hợp pháp khác.</p> <p>7. Việc quản lý và sử dụng tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi kết thúc nhiệm vụ được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.</p>	<p><b>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</b></p>	

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>8. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi trong việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp, công nhận, đăng ký lưu hành sản phẩm mới, công nghệ mới cho tổ chức, cá nhân thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ.</p> <p>9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
	<b>Điều 36a. Chuyển giao công nghệ thông qua đồng hợp tác phát triển công nghệ</b>	<i>Bổ sung mới Điều 36a.</i>
	<p><b>1. Đồng hợp tác phát triển công nghệ là hình thức chuyển giao công nghệ được thực hiện ngay từ giai đoạn nghiên cứu, phát triển, nâng cấp, hoàn thiện công nghệ giữa tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài hoặc giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong nước.</b></p> <p><b>2. Nhà nước khuyến khích đồng hợp tác phát triển công nghệ nhằm thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, thương mại hóa kết quả, nâng cao năng lực công nghệ quốc gia.</b></p> <p><b>3. Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia đồng hợp tác phát triển công nghệ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận, bảo đảm hài hòa lợi ích, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, tuân thủ pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</b></p> <p><b>4. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ và quản lý hoạt động đồng hợp tác phát triển công nghệ.</b></p>	<p>Luật hiện hành chưa có quy định nhằm thúc đẩy CGCN thông qua đồng hợp tác để phát triển, nâng cấp, hoàn thiện công nghệ, do đó cần bổ sung để thúc đẩy CGCN, đồng thời qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển, ĐMST cho các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu trong nước.</p> <p>→ Chính sách 2 (thúc đẩy CGCN nội sinh); Chính sách 4 (động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho CGCN);</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Điều 40. Phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực</b>	<i>[Bãi bỏ điều này]</i>	<i>Bãi bỏ điều này</i> Bỏ vì không còn khái niệm sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực
<p>1. Ưu tiên chuyển giao công nghệ để tạo ra các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước.</p> <p>2. Khuyến khích phát triển các công nghệ tạo ra và hoàn thiện sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước.</p> <p>3. Nhà nước có chính sách và biện pháp đẩy mạnh việc hoàn thiện thiết kế, chế tạo máy móc, thiết bị do Việt Nam tạo ra đủ sức cạnh tranh trên thị trường.</p> <p>4. Doanh nghiệp, tổ chức chuyển giao, ứng dụng và hoàn thiện công nghệ tạo ra sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p><del><b>Phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực</b></del></p> <p><del>1. Ưu tiên chuyển giao công nghệ để tạo ra các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước.</del></p> <p><del>2. Khuyến khích phát triển các công nghệ tạo ra và hoàn thiện sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước.</del></p> <p><del>3. Nhà nước có chính sách và biện pháp đẩy mạnh việc hoàn thiện thiết kế, chế tạo máy móc, thiết bị do Việt Nam tạo ra đủ sức cạnh tranh trên thị trường.</del></p> <p><del>4. Doanh nghiệp, tổ chức chuyển giao, ứng dụng và hoàn thiện công nghệ tạo ra sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật.</del></p> <p><del>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</del></p>	
<b>Mục 2. PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>		
<b>Điều 41. Biện pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ</b>	<i>Sửa đổi, thay thế Điều 41</i>	
<p>1. Nhà nước có chính sách và biện pháp hỗ trợ, đầu tư từ ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để phát triển thị trường khoa học và công nghệ thông qua các hoạt động phát triển</p>	<p><b>1. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế đối với hoạt động chuyên giao công nghệ qua sàn giao dịch công nghệ hoặc các tổ chức trung gian.</b></p>	<p><i>Sửa đổi, thay thế Điều 41</i></p> <p>Sửa đổi, hoàn thiện <b>Điều 41, 42, 43</b> về phát triển thị trường KH&amp;CN, nguồn cung công nghệ, nhu cầu công nghệ; phát triển</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>nguồn cung, nguồn cầu công nghệ và tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 42 và Điều 43 của Luật này.</p> <p>2. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình để phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia.</p>	<p><b>2. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai đối với các khu vực trung bày, giới thiệu, quảng cáo, cung cấp kết quả nghiên cứu, công nghệ, tài sản trí tuệ.</b></p> <p><b>3. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đánh giá, định giá, thẩm định giá công nghệ; tìm kiếm, lựa chọn và tiếp nhận, thử nghiệm công nghệ; khai thác, phát triển tài sản trí tuệ.</b></p> <p><b>4. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</b></p> <p><b>5. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân có công nghệ mới được tạo ra trong nước công bố, trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ trong nước, ngoài nước.</b></p> <p><b>6. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia các khóa đào tạo, tập huấn để được cấp chứng chỉ chuyên gia môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ</b></p> <p><b>7. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ hoạt động đối với hệ thống tổ chức trung gian của thị trường công nghệ.</b></p> <p><b>8. Chính phủ quy định chi tiết điều này.</b></p>	<p>tổ chức trung gian của thị trường KH&amp;CN để thị trường KH&amp;CN hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp và minh bạch.</p> <p>→ <i>Chính sách 3 (Phát triển thị trường khoa học và công nghệ)</i></p>
<p><b>Điều 42. Phát triển nguồn cung, nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ</b></p>	<p><i>Bổ sung mới khoản 6a và 6b</i></p>	
	<p><b>6a. Căn cứ những vấn đề cấp thiết phát sinh từ thực tiễn, cần có giải pháp công nghệ để giải quyết, phục vụ cộng đồng, bao gồm cả cộng đồng doanh nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các bước cần thiết để đặt hàng cung cấp công nghệ phù</b></p>	<p><i>Bổ sung mới khoản 6a và 6b</i></p> <p>Sửa đổi, hoàn thiện <b>Điều 41, 42, 43</b> về phát triển thị trường KH&amp;CN, nguồn cung công nghệ, nhu cầu công nghệ; phát triển</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
	<p>hợp thông qua đấu thầu, treo thưởng, hợp đồng NC&amp;PT, hoặc các phương thức khác. Kinh phí được lấy từ nguồn ngân sách chi cho KH&amp;CN&amp;ĐMST. Công nghệ có thể được nhập khẩu, được nghiên cứu phát triển mới, được giải mã, làm chủ, điều chỉnh từ công nghệ có sẵn nhưng phải đáp ứng được yêu cầu đặt ra, đạt mức độ sẵn sàng để áp dụng được ngay.</p>	<p>tổ chức trung gian của thị trường KH&amp;CN để thị trường KH&amp;CN hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp và minh bạch.</p> <p>→ Chính sách 3 (Phát triển thị trường khoa học và công nghệ)</p>
	<p>6b. Doanh nghiệp có dự án đầu tư nâng cao năng lực NC&amp;PT trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ ưu tiên, được nhà nước hỗ trợ tối đa 50% phần chi phí đào tạo nhân lực của dự án, nhưng không quá mức trần quy định.</p>	
	<p><b>Điều 42a. Thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.</b></p>	<p><i>Bổ sung Điều 42a</i></p>
	<p>a) Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu công lập có quyền thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị.</p> <p>b) Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu công lập thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có quyền sử dụng nhiều loại tài sản khác nhau để thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp.</p> <p>c) Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu công lập phải lập đề án thành lập hoặc tham gia thành lập</p>	<p>Bổ sung quy định để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở nghiên cứu công lập thông qua việc thành lập doanh nghiệp spin-off.</p> <p>→ Chính sách 3 (Phát triển thị trường khoa học và công nghệ)</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
	<p><b>doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp và phải được người có thẩm quyền của cơ sở công lập hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt trước khi ra quyết định thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp.</b></p> <p><b>d) Viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu công lập được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do đơn vị đó thành lập hoặc tham gia thành lập khi được sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị.</b></p>	
<b>Điều 43. Phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ</b>	<i>Sửa đổi, thay thế khoản 2, 3, 4</i>	
<p>1. Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ là tổ chức cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ, dịch vụ kết nối, hỗ trợ bên cung, bên cầu và các bên khác trong giao dịch liên quan đến công nghệ.</p>	<p>1. Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ là tổ chức cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ, dịch vụ kết nối, hỗ trợ bên cung, bên cầu và các bên khác trong giao dịch liên quan đến công nghệ.</p>	<i>Giữ nguyên</i>
<p>2. Nhà nước thực hiện biện pháp sau đây để phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ:</p> <p>a) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ hoạt động của sàn giao dịch công nghệ quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ quốc gia trong giai đoạn 05 năm đầu hoạt động;</p> <p>b) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho tổ chức trung gian;</p>	<p><b>2. Tổ chức trung gian của thị trường công nghệ gồm các loại hình: sàn giao dịch công nghệ, cơ sở ươm tạo, tổ chức thẩm định giá công nghệ và các hình thức khác.</b></p> <p><b>3. Sàn giao dịch công nghệ là loại hình tổ chức trung gian có chức năng thực hiện tất cả các dịch vụ hỗ trợ các bên có nhu cầu giao dịch công nghệ, tài sản trí tuệ từ chào mua, chào bán, giới thiệu, đại diện, đại lý, tư vấn, môi giới, hỗ trợ định giá, hỗ trợ</b></p>	<p><i>Sửa đổi, thay thế khoản 2, 3, 4</i> Sửa đổi, hoàn thiện <b>Điều 41, 42, 43</b> về phát triển thị trường KH&amp;CN, nguồn cung công nghệ, nhu cầu công nghệ; phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&amp;CN để thị trường KH&amp;CN hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp và minh bạch.</p> <p><i>→ Chính sách 3 (Phát triển thị trường khoa học và công nghệ)</i></p>



Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>c) Hỗ trợ, nâng cao năng lực khai thác thông tin về công nghệ, sở hữu trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước và ngoài nước cho tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định giá và giám định công nghệ.</p> <p>3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động môi giới, tư vấn và xúc tiến chuyển giao công nghệ trong các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo; hình thành mạng lưới liên kết hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p><b>kỹ thuật, hỗ trợ đàm phán, ký kết, thực hiện giao dịch công nghệ, tài sản trí tuệ.</b></p> <p><b>4. Cơ sở ươm tạo là loại hình tổ chức trung gian có chức năng cung cấp các điều kiện theo quy định của pháp luật về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết phục vụ việc ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</b></p> <p><b>5. Tổ chức thẩm định giá công nghệ là loại hình tổ chức trung gian có chức năng thẩm định giá công nghệ, xác định giá trị bằng tiền của công nghệ phù hợp với giá thị trường tại một địa điểm, thời điểm nhất định, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá.</b></p> <p><b>6. Chuyên gia môi giới, tư vấn chuyển giao công nghệ là cá nhân được cơ quan có thẩm quyền công nhận để hoạt động tại sàn giao dịch công nghệ hoặc tổ chức trung gian của thị trường công nghệ.</b></p> <p><b>7. Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện cấp Giấy chứng nhận tổ chức trung gian của thị trường công nghệ; điều kiện đặc thù về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật đối với sàn giao dịch công nghệ, cơ sở ươm tạo, tổ chức thẩm định giá công nghệ; trình tự, thủ tục, điều kiện, thẩm quyền công nhận chuyên gia môi giới, tư vấn chuyển giao công nghệ.</b></p>	
<p><b>Điều 44. Công bố, trình diễn, giới thiệu công nghệ</b></p>	<p><i>Bổ sung mới khoản 4, 5 và 6</i></p>	
	<p><b>4. Nhà nước xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xúc tiến hợp tác quốc tế trong chuyển giao và</b></p>	<p><i>Bổ sung mới khoản 4, 5 và 6</i></p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
	<p>thương mại hóa công nghệ giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam với các tổ chức quốc tế, chính phủ nước ngoài, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và tổ chức khác của nước ngoài.</p>	<p>Bổ sung để thúc đẩy, khuyến khích hợp tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ, chuyển giao công nghệ xuyên biên giới.</p> <p>→ Chính sách 5 (Tăng cường kiểm soát CGCN xuyên biên giới, thúc đẩy CGCN quốc tế)</p>
	<p>5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các hoạt động sau đây để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong chuyển giao và thương mại hóa công nghệ:</p> <p>a) Điều tra, khảo sát, nghiên cứu nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế trong chuyển giao và thương mại hóa công nghệ;</p> <p>b) Trao đổi chuyên gia, thông tin về chuyển giao và thương mại hóa công nghệ;</p> <p>c) Thiết lập và vận hành các cơ chế, hệ thống hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài nhằm hỗ trợ chuyển giao và thương mại hóa công nghệ;</p> <p>d) Xúc tiến xuất khẩu công nghệ của Việt Nam và giới thiệu công nghệ nước ngoài vào Việt Nam;</p> <p>đ) Hỗ trợ thành lập liên doanh giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài;</p> <p>e) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Chính phủ nhằm xúc tiến hợp tác quốc tế trong chuyển giao và thương mại hóa công nghệ.</p>	
	6. Chính phủ quy định chi tiết điều này.	
<b>Mục 3. DỊCH VỤ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ</b>		

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<b>Mục 4. CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ CHO VÙNG NÔNG THÔN, MIỀN NÚI, HẢI ĐẢO, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN</b>		
<b>Điều 49. Công nghệ khuyến khích chuyển giao cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn</b>	<i>Sửa đổi đoạn đầu tiên trước khoản 1 Điều 49</i>	
Công nghệ quy định tại Điều 9 của Luật này và công nghệ sau đây được khuyến khích chuyển giao cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn:	Công nghệ <del>quy định tại Điều 9 của Luật này và công nghệ</del> sau đây được khuyến khích chuyển giao cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn:	<i>Sửa đổi đoạn đầu tiên trước khoản 1 Điều 49</i>  Công nghệ quy định tại Điều 9 của Luật này và công nghệ sau đây được khuyến khích chuyển giao cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn:
<b>Điều 52. Chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp</b>	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 5.</i>	
5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục tiến bộ kỹ thuật về giống, sản phẩm, quy trình sản xuất, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý khuyến khích chuyển giao trong nông nghiệp; tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật.	5. <del>Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</del> <b>Chính phủ</b> ban hành Danh mục tiến bộ kỹ thuật về giống, sản phẩm, quy trình sản xuất, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý khuyến khích chuyển giao trong nông nghiệp; tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật.	<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 5.</i>
<b>Chương V. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ</b>		
<b>Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ</b>	<i>Bãi bỏ khoản 4; bổ sung mới khoản 13a</i>	

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
4. Cấp, thu hồi Giấy phép chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao.	4. <del>[Bãi bỏ khoản này] Cấp, thu hồi Giấy phép chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao.</del>	<p><i>Bãi bỏ khoản 4</i></p> <p>Danh mục các công nghệ khuyến khích, hạn chế và cấm chuyển giao thay đổi rất nhanh, do vậy cần cập nhật thường xuyên hơn các danh mục. Trong khi, mỗi lần sửa đổi, bổ sung danh mục phải báo cáo Chính phủ tiến hành sửa đổi bổ sung Nghị định, trình tự thủ tục kéo dài, mất nhiều thời gian.</p> <p>Sửa đổi nhằm thực hiện phân cấp cho chính quyền địa phương. Phân cấp cho UBND tỉnh thực hiện thủ tục chấp thuận và cấp giấy phép chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao.</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>
	<b>13a. Chủ trì, tổng hợp kế hoạch của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xây dựng và triển khai kế hoạch xúc tiến chuyển giao và thương mại hóa công nghệ chung của cả nước, bao gồm kế hoạch hằng năm và kế hoạch trung hạn (03 năm); định kỳ báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện.</b>	<i>Bổ sung mới khoản 13a</i>
<b>Điều 55. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>	<i>Bổ sung mới khoản 4a và 4b</i>	
	<b>4a. Tổ chức đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong phạm vi quản lý hằng năm và theo giai đoạn, kết quả đánh giá gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Chính phủ.</b>	<p><i>Bổ sung mới khoản 4a và 4b</i></p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
	<b>4b. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xúc tiến chuyển giao và thương mại hóa công nghệ trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý, bao gồm kế hoạch hằng năm và kế hoạch trung hạn (03 năm).</b>	
<b>Điều 56. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	<i>Bổ sung mới khoản 3a, 5a và 5b</i>	
	<b>3a. Cấp, thu hồi Giấy phép chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao.</b>	<i>Bổ sung mới khoản 3a</i> Sửa đổi nhằm thực hiện phân cấp cho chính quyền địa phương. Phân cấp cho UBND tỉnh thực hiện thủ tục chấp thuận và cấp giấy phép chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao. → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)
	<b>5a. Tổ chức đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong phạm vi quản lý hằng năm và theo giai đoạn, kết quả đánh giá gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Chính phủ.</b>	<i>Bổ sung mới khoản 5a và 5b</i> → Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)
	<b>5b. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xúc tiến chuyển giao và thương mại hóa công nghệ trên địa bàn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và chính sách của Nhà nước.</b>	
<b>Điều 57. Thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ</b>	<i>Sửa đổi, thay thế nội dung Điều 57.</i>	

Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>Việc thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê và các quy định sau đây:</p> <p>1. Thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ là một nội dung trong báo cáo thống kê hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.</p> <p>Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trong phạm vi cả nước;</p> <p>2. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với cơ quan thống kê trung ương trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê và tổ chức thu thập thông tin thống kê về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp; phối hợp với cơ quan quản lý thuế và hải quan ở trung ương trực thuộc Bộ Tài chính thực hiện việc kết nối và chia sẻ dữ liệu thống kê về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ;</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ thuộc địa bàn quản lý;</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của cơ quan thực hiện thống kê;</p>	<p><b>1. Nhà nước thiết lập và duy trì hệ thống chỉ tiêu thống kê về chuyển giao công nghệ nhằm theo dõi, đánh giá, định hướng và hoàn thiện chính sách phát triển hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới và phát triển công nghệ.</b></p> <p><b>2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về chuyển giao công nghệ là hệ thống thông tin tập trung do Chính phủ thiết lập và vận hành nhằm thu thập, lưu trữ, tích hợp, phân tích và khai thác dữ liệu có liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ trên phạm vi toàn quốc, phục vụ công tác quản lý, xây dựng chính sách, theo dõi, giám sát, đánh giá và thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ.</b></p> <p><b>3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê về chuyển giao công nghệ bao gồm các chỉ tiêu phản ánh:</b></p> <p><b>a) Số lượng và chủng loại công nghệ được chuyển giao;</b></p> <p><b>b) Số lượng hoạt động chuyển giao công nghệ đã thực hiện trong kỳ thống kê, phân loại theo lĩnh vực công nghệ, ngành kinh tế, địa bàn, hình thức và mức chuyển giao công nghệ;</b></p> <p><b>c) Thông tin về bên chuyển giao, bên nhận và tổ chức trung gian;</b></p> <p><b>d) Giá trị kinh tế của giao dịch chuyển giao công nghệ;</b></p> <p><b>đ) Nguồn gốc công nghệ (trong nước hoặc nước ngoài);</b></p> <p><b>e) Kết quả và hiệu quả của hoạt động chuyển giao công nghệ;</b></p>	<p><i>Sửa đổi, thay thế nội dung Điều 57.</i></p> <p>Sửa đổi, hoàn thiện <b>Điều 57</b> về thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ để đo lường và thống kê số lượng, giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường, theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động CGCN, nhất là CGCN sử dụng NSNN.</p> <p>→ Chính sách 6 (tăng cường quản lý nhà nước)</p>



Luật Chuyển giao công nghệ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Thuyết minh
<p>5. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể việc triển khai thu thập số liệu thống kê về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ.</p>	<p><b>g) Các chỉ tiêu khác có liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ theo yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ.</b></p> <p><b>3. Chính phủ xây dựng, ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê về chuyển giao công nghệ theo quy định pháp luật về thống kê và tổ chức thực hiện trên toàn quốc.</b></p> <p><b>4. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu trung thực, đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</b></p> <p><b>5. Đánh giá hiệu quả chuyển giao công nghệ là quá trình xác định mức độ đạt được các mục tiêu về kinh tế, kỹ thuật, xã hội và đổi mới sáng tạo của hoạt động chuyển giao công nghệ. Kết quả đánh giá là căn cứ để hoạch định chính sách, kiểm soát rủi ro, phân bổ nguồn lực ưu đãi - hỗ trợ và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ.</b></p> <p><b>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</b></p>	